TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TL.ST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Trước đây, bà và ông Nguyễn Công T1 có quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 08/2022 nên hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không

còn hạnh phúc. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim D (nữ), sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Thị Thu P (nữ), sinh ngày 26/6/2014, hiện đang sống chung với bà. Do cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Công T1; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P (nữ), sinh ngày 26/6/2014 cho bà C nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T1 chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện đối với ông Nguyễn Công T1 yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 cư trú tại huyện C, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Công T1 đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu

Giang vào năm 2005. Hôn nhân giữa bà C, ông T1 là tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và không bị ép buộc, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà C cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 08/2022 đến nay.

Đối với ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng vẫn không đến, thể hiện ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà C. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T1.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim D (nữ), sinh ngày 01/9/2005 và cháu Nguyễn Thị Thu P (nữ), sinh ngày 26/6/2014, hiện đang sống chung với bà C. Do cháu D đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà C sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại vẫn chưa ghi nhận được ý kiến của ông T1 về vấn đề con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu P nên giao cháu cho bà C nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T1 chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà C khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với ông T1 nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà C cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Công T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 107, ngày 06/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông T1, bà C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P (nữ), sinh ngày 26/6/2014 cho bà Nguyễn Thị C nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Công T1 chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0004398 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà C đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên